TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:101 /2022/HNGĐ-ST
Ngày: 01 - 08 - 2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đặng Song Hoàn.

2. Ông Nguyễn Văn Hải.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Hoàng Ngọc Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiên – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 08 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 511/2022/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 07 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Huỳnh Thị D, sinh năm 1997;

Hộ khẩu thường trú: Xã A, huyện U, tỉnh M.

Địa chỉ hiện nay: Số 1216/31/10 đường C, phường B, thành phố X, tỉnh T. (vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Anh Trần Minh S, sinh năm 1987;

Hộ khẩu thường trú và địa chỉ hiện nay: Số 1216/31/10 đường C, phường B, thành phố X, tỉnh T. (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/5/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị D trình bày: Chị và anh Trần Minh S tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố X, tỉnh T vào ngày 15/1/2015. Sau khi kết hôn, chị và anh S sống với nhau không hạnh phúc. Qua trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Anh S không lo làm ăn, không phụ giúp chị chăm sóc nuôi dạy con. Vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại làm cho tình cảm cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt. Hai vợ chồng đã cố

gắng hàn gắn cuộc hôn nhân vì con nhưng không có kết quả. Mâu thuẫn kéo dài không giải quyết được. Vợ chồng không còn sống chung với nhau một năm nay nên tình cảm vợ chồng không còn, chị D cảm thấy sống không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị D và anh S có một con chung tên là Trần Huỳnh Bảo Q, sinh ngày 26-12-2015. Ngoài ra chị không có con nuôi. Chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Minh S: Anh Trần Minh S đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh S không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

Về tố tụng: Tòa án nhân dân thành phố X thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố Tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại các Điều 70, 71, 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nhận thấy: Mâu thuẫn giữa chị D và anh S đã trầm trọng, không thể hàn gắn làm cho mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; Xét con chung là Trần Huỳnh Bảo Q, sinh ngày 26-12-2015 còn nhỏ nên được sự chăm sóc của mẹ. Do vậy đề nghị chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của nguyên đơn. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, qua ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Huỳnh Thị D có đơn khởi kiện ly hôn với anh Trần Minh S, anh S có địa chỉ cư trú tại thành phố X nên xác định đây là vụ án Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét

xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại các điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị D và anh Trần Minh S tự nguyện tìm hiểu nhau, kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố X, tỉnh T vào ngày 15/01/2015 theo đúng quy định về đăng ký kết hôn tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên đơn chị D cho rằng do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu mẫu kéo dài không giải quyết được dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chia sẻ cùng nhau. Do không thể tiếp tục sống chung với nhau, tình cảm của chị dành cho anh S không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh S.

Qua xác minh tại địa phương cho biết chị D và anh S có mâu thuẫn với nhau, thể hiện chị D và anh S mâu thuẫn với nhau là có thật.

Xét thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình hạnh phúc.Vợ chồng phải quan tâm, yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ cho nhau về mọi mặt. Về phía bị đơn anh S đã được triệu tập nhiều lần đến làm việc nhưng anh S không đến và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của chị D, chứng tỏ anh S không có ý muốn hàn gắn gia đình. Xét tình trạng mâu thuẫn giữa chị D và anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị D yêu cầu được ly hôn với anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, chị D và anh S có một con chung là Trần Huỳnh Bảo Q, sinh ngày 26-12-2015. Ngoài ra chị không có con nuôi. Chị D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Lục cấp dưỡng nuôi con.

Xét về điều kiện thì chị D có điều kiện kinh tế, đủ khả năng để nuôi dạy con chung. Từ lúc nhỏ cho đến nay cháu ở với mẹ được mẹ lo việc sinh hoạt, học tập và phát triển về thể chất, tinh thần, trí tuệ, đạo đức. Đối với cháu Trần Huỳnh Bảo Q, do cháu Q chưa đủ 7 tuổi nên không tiến hành hỏi ý kiến về nguyện vọng sống cùng cha hay mẹ, để không bị xáo trộn về mặt tâm lý của cháu cần giữ ổn định cho cháu Q. Do đó, giao cháu Q cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng sẽ thuận tiện về việc học và phát triển bình thường về tinh thần của cháu là hợp lý. Do vậy yêu cầu được nuôi con chung của chị Huỳnh Thị D là có cơ sở chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 203, Khoản 1 Điều 227, 228, 238, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị D đối với bị đơn anh Trần Minh S về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị D được ly hôn với anh Trần Minh S.

2. Về con chung: Có một con chung tên là Trần Huỳnh Bảo Q, sinh ngày 26-12-2015. Ngoài ra chị D không có con nuôi. Giao cháu Trần Huỳnh Bảo Q cho chị Huỳnh Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Trần Minh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Minh S có quyền thăm và chăm sóc các con chung không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị D phải nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình, được trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002471 ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, tỉnh T. Chị Huỳnh Thị D đã nộp xong án phí hôn nhân.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh T xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T;
- VKSND thành phố X;
- Chi cục THADS thành phố X;
- Ủy ban nhân dân p.12, Tp. X, tỉnh T;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lương